

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 21 – 8 – 2024

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Phương Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01/8/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 78/2024/HNGĐ-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2929/2024/QĐ-PT ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1999; (Có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Số A Quốc lộ A, ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm: 1995; (Có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình T1; sinh năm 1959; (Có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Lê Minh T tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2019. Sau khi kết hôn, anh chị cùng đi làm và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến khi có con thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống và tài chính dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T sống không chung thủy có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; bên cạnh đó, gia đình hai bên không thuận thảo làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh T sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T cũng có trao đổi về những mâu thuẫn nhằm hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy không còn tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/3/2020, vào khoảng đầu tháng 5/2024 anh T đến rước cháu P về chơi thăm ông bà và cam kết khoảng 01 tuần sau sẽ giao cháu P lại cho chị chăm sóc nhưng đến nay anh T vẫn không thực hiện theo cam kết. Để bảo đảm sự phát triển ổn định của con, chị yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con do chị có đủ điều kiện và khả năng chăm lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Minh T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc L về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Việc chị L cho rằng anh sống không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng. Do anh chị mới kết hôn nên cũng gặp khó khăn về vấn đề tài chính, tình tình không hợp nên đôi lúc anh chị cũng có cãi nhau, ngoài ra thời gian gần đây chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ đầu năm 2024 đến nay, anh và chị L sống ly thân, anh về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian ly thân, anh và chị L cũng có trao đổi về những mâu thuẫn nhằm hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung như chị L trình bày. Vào khoảng đầu tháng 5/2024, anh đến nhà chị L để thăm con thì được biết chị L gửi cháu P về quê tại xã H, huyện M cho người thân chăm sóc. Do không an tâm việc chị L giao con cho người khác nên anh đã đón cháu P về chăm sóc và có hứa với chị L khoảng 01 tuần sau anh sẽ giao con lại cho chị. Tuy nhiên, sau khi đón cháu P về thì anh phát hiện sức khỏe của cháu không được tốt, anh đã đưa cháu đi khám và điều trị bệnh. Do cháu đang trong thời gian điều trị bệnh nên anh không giao cháu P lại cho chị L chăm sóc theo thỏa thuận trước đó. Do tính chất công việc, chị L không có thời gian để quan tâm, chăm sóc và giáo dục con tốt nên anh yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Hiện tại, anh có công việc và mức thu nhập ổn định nên không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 78/2024/HNGĐ-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Minh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Minh T có một con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/3/2020.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nguyễn Tấn P.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Lê Minh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Lê Minh T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Minh T không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Lê Minh T không có nợ chung nên không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, bị đơn anh Lê Minh T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số: 78/2024/HNGĐ-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, anh T không đồng ý về việc Tòa án cấp sơ thẩm giao quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 03/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Tại phiên Tòa phúc thẩm: Bị đơn anh Lê Minh T giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L không đồng ý kháng cáo của anh T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Minh T; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 78/2024/HNGĐ-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Lê Minh T; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh T kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/3/2020. Anh chị cùng yêu cầu được nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Từ khi anh T và chị L sống ly thân cho đến khi anh T đón cháu P về chăm sóc thì cháu P sống cùng với chị L, sinh hoạt và phát triển bình thường. Khoảng cuối tháng 4 năm 2024 anh T đón cháu P thì có hứa khoảng một tuần sau sẽ giao cháu lại cho chị L nuôi dưỡng nhưng đến nay anh T vẫn không thực hiện nên đã vi phạm thỏa thuận giữa anh chị. Đối với vấn đề sức khỏe mà cháu P đang gặp phải xuất phát từ quá trình phát triển sinh lý của trẻ nhỏ nam, không phải nguyên nhân chính là do cách chăm sóc trẻ. Theo tài liệu, chứng cứ đã cung cấp và lời trình bày của chị L và anh T thì anh chị đều có thu nhập ổn định và đủ điều kiện chăm sóc cho cháu P tốt. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cháu P đã trên 36 tháng tuổi nhưng hiện tại cháu vẫn còn nhỏ và cần có sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ, đồng thời nhằm hạn chế sự xáo trộn môi trường sống và giáo dục trước đó của cháu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là cháu Lê Nguyễn Tấn P cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, nên kháng cáo của anh T không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Lê Minh T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Minh T;

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78/2024/HNGĐ-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L, cụ thể:

1.1. Về con chung: Buộc anh Lê Minh Tâm g con chung là cháu Lê Nguyễn Tân P, sinh ngày: 03/3/2020 lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

1.2. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003936 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Ngọc L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lê Minh T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Lê Minh T phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002196 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Ngọc Dũng